

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phát

2. Ông Nguyễn Huỳnh Bảo

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 192/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 21/ tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Thế H, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị bà Võ Thị S trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: bà và ông Trần Thế H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 29/10/1992. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không

chịu làm ăn, mỗi khi ăn nhậu về đánh đập bà S. Bà nhiều lần cho ông H cơ hội sửa chữa, khắc phục nhưng ông vẫn không thay đổi. Do đó, bà S bỏ nhà đi hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tính cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn ông Trần Thế H.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên: Trần Thế H1, sinh ngày 07/01/1995; Trần Thế H2, sinh ngày 28/3/1997 và Trần Thế B, sinh ngày 06/7/1999. Hiện 03 con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Thế H vắng mặt nên không trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về hôn nhân: bà Võ Thị S được ly hôn ông Trần Thế H; về con chung, tài sản chung: không giải quyết; về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Trần Thế H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị S và ông Trần Thế H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, thị xã T (nay là thành phố T) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 29/10/1992, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không chịu làm ăn và đánh đập bà S. Từ năm 2023, bà S và ông H không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần triệu tập ông H để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông H không đến, điều này thể hiện ông H không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc xin ly hôn ông H.

[3.2] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên: Trần Thế H1, sinh ngày 07/01/1995; Trần Thế H2, sinh ngày 28/3/1997 và Trần Thế B, sinh ngày 06/7/1999. Hiện 03 con đều đã trưởng thành và phát triển bình thường bà S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Võ Thị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Võ Thị S được ly hôn ông Trần Thế H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Võ Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002543 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND xã Hòa Kiến, thành phố Tuy Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu